

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/DS-ST
Ngày : 02- 02- 2023
“V/v tranh chấp đòi lại tài
sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ;
2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 503/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2023/QĐST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ T - L, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 17, ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bà Võ T - L: Luật sư Dương Thị Kim Ánh Văn phòng luật sư Nguyễn Đức Ký, thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: Số 24, đường Lê Văn Nhung, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Nguyễn T - P, sinh năm 1982, có mặt

2.2 Bà Lê Thị N-N, sinh năm 1988, có mặt.

Cùng địa chỉ: Số 64, tổ 27, ấp BN, TTCD, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 30 tháng 8 năm 2022, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Bà Võ T - L trình bày:

Giữa bà L và vợ chồng ông P có quá trình làm ăn mua bán than với nhau nhiều năm. Bà L là người bán than, còn vợ chồng ông P mua than của bà L để bán lại. Khi nhận than của bà L, ông P thanh toán một phần tiền và khi nhận lô hàng sau sẽ thanh toán phần tiền của lô hàng trước. Ngoài tiền mua bán than, thỉnh thoảng bà L có cho vợ chồng ông P mượn tiền để mua sắm tài sản; vợ chồng ông P có tham gia chơi hụi của bà L làm chủ hụi. Khi số tiền vợ chồng ông P thiếu bà L nhiều, bà L có yêu cầu vợ chồng ông P trả bớt tiền nên dẫn đến gây gổ. Đến ngày 08 tháng 8 năm 2021, ông Nguyễn T - P và bà Lê Thị N-N có ghi giấy xác nhận còn nợ bà L số tiền 705.000.000 đồng. Ngày 21/9/2021 ông P, bà N trả thêm 60.000.000 đồng, sau đó tiếp tục trả dần và còn nợ lại 600.000.000 đồng, bà L nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông P trả tiền Nng vợ chồng ông P vẫn chưa trả tiền cho bà L. Do vậy, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn T - P và bà Lê Thị N-N có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ của bà L là 600.000.000 đồng.

Bị đơn ông P và bà N có bản tự khai: Thừa nhận còn nợ bà L số tiền 600.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tại phiên họp và hòa giải, ông P thừa nhận vợ chồng ông còn nợ bà L 600.000.000 đồng Nng không đồng ý ký tên vào biên bản nếu bà L không đồng ý cho trả dần. Ông P có ý kiến xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng Nng nguyên đơn bà L không đồng ý.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải Nng bà N không đến, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn bà N vắng mặt, chỉ ghi nhận ý kiến của ông P về việc thừa nhận nợ chồng ông P còn nợ bà L là 600.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xuất phát từ giấy nhận nợ của vợ chồng P ghi vào ngày 08/8/2021 đối với bà L là 705.000.000 đồng Nng sau đó vợ chồng ông P có trả dần được 105.000.000 đồng, sau khi trừ vào số tiền 705.000.000 đồng thì vợ chồng ông P và bà N còn nợ bà L là 600.000.000 đồng. Nay bà L yêu cầu vợ chồng ông P và bà N cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L 600.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, không đồng ý cho bị đơn ông P và bà N trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- *Bị đơn ông P:* Ông thừa nhận vợ chồng ông còn nợ bà L 600.000.000 đồng, đây là tiền xuất phát từ việc làm ăn mua bán, hụi, mượn tiền mua xe tải. Giữa vợ chồng ông và bà L có lập giấy nhận nợ 705.000.000 đồng của bà L, sau đó vợ

chồng ông đã trả dần và hiện còn nợ bà L là 600.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

- *Bị đơn bà N*: Thống nhất trình bày ý kiến của ông P, thừa nhận còn nợ bà L là 600.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

- *Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Bà Võ T - L phát biểu ý kiến N sau*: Bà Võ T - L thông qua công việc làm ăn, mua bán, chơi hụi, cho bị đơn ông P và bà N mượn tiền mua xe tải, mua tài sản, sau đó hai bên xác nhận số tiền nợ mà bị đơn ông P và bà N còn nợ nguyên đơn bà L là 705.000.000 đồng theo giấy xác nhận nợ lập ngày 08/8/2021, các bị đơn có trả dần và còn nợ lại bà L là 600.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải, tại phiên tòa thì các bị đơn ông P và bà N đều thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền là 600.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết 600.000.000 đồng Nng nguyên đơn bà L không đồng ý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc ông P và bà N cùng có nghĩa vụ trả cho bà L một lần với số tiền là 600.000.000 đồng.

* *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án*:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách đương sự, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ giấy nhận nợ ngày 8/8/2021, căn cứ bản tự khai, lời khai nhận của bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn bà L 600.000.000 đồng, chỉ xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Võ T - L, buộc bị đơn ông P và bà N trả 600.000.000 đồng cho nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả lại số tiền còn nợ theo giấy xác nhận nợ ngày 08 tháng 8 năm 2021. Đây là tranh chấp “Đòi lại tài sản”, vì giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn theo giấy nhận nợ, không ghi rõ tiền nợ xuất phát từ giao dịch cụ thể, nguyên đơn bà L chỉ yêu cầu bị đơn số tiền còn nợ, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn cư trú tại khóm Bình Nghĩa, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang được quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp về đòi lại tài sản không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Võ T - L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Căn cứ giấy nhận nợ ghi ngày 08/8/2021 bị đơn ông P và bà N thừa nhận còn nợ nguyên đơn bà L với số tiền 705.000.000 đồng, nguyên đơn bà L thừa nhận bị đơn ông P và bà N có trả dần cho bà số tiền là 105.000.000 đồng nên số tiền bị đơn còn phải trả bà L là 600.000.000 đồng; căn cứ bản tự khai của các bị đơn thừa nhận còn nợ bà L 600.000.000 đồng, sự thừa nhận của bị đơn ông P tại phiên hòa giải, cũng N sự thừa nhận của ông P và bà N tại phiên tòa đều xác định vợ chồng P và N còn nợ bà L là 600.000.000 đồng. N vậy, các bị đơn còn nợ tiền nguyên đơn là có thật. Sau khi xác nhận số tiền bị đơn ông P và bà N còn nợ nguyên đơn Nng các bị đơn không thực hiện việc trả lại tiền còn nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ. Căn cứ vào Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2005 thì chủ sở hữu có quyền đòi lại người chiếm hữu tài sản phải trả lại tài sản đó, bị đơn ông P và bà N đang chiếm hữu số tiền 600.000.000 đồng thuộc sở hữu của bà L nên phải có nghĩa vụ trả lại 600.000.000 đồng cho bà L. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn ông P và bà N cùng phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà L số tiền 600.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Xét việc nguyên đơn bà L yêu cầu trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên các bị đơn còn

thiếu nguyên đơn đã lâu chưa trả là ảnh hưởng quyền lợi của nguyên đơn. Bị đơn xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng. Nguyên đơn không đồng ý, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 600.000.000 đồng theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, L phí Tòa án;

Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận do đó các bị đơn phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 600.000.000 đồng. Do đó bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004885 ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

[4] Về quan điểm của kiểm sát viên: Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về quan điểm bảo vệ của luật sư Dương Thị Kim Ánh: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 5, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271, Điều 273, Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, L phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Võ T - L yêu cầu bị đơn ông Nguyễn T - P và bà Lê Thị N-N trả 600.000.000 đồng.

- Buộc bị đơn ông Nguyễn T - P và bà Lê Thị N-N cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng cho nguyên đơn Bà Võ T - L.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn

phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bị đơn ông Nguyễn T - P và bà Lê Thị N-N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.000.000 đồng.

- Nguyên đơn Bà Võ T - L được nhận lại số tiền 14.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004885 ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- Đương sự (Đề thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Anh